

**SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC SA ĐÉC 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTYT-DVTTBYT

Sa Đéc, ngày 04 tháng 8 năm 2025

V/v thông báo mời chào giá mua sắm
vắc xin theo hình thức dịch vụ
năm 2025 lần 2

Kính gửi: Các công ty sản xuất và cung cấp vắc xin tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1 có nhu cầu nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua sắm vắc xin tiêm chủng theo hình thức dịch vụ năm 2025 lần 2 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Huỳnh Chí Hiếu, Trưởng Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế, điện thoại: 0834416879, email: ds.huynhchihieu74@gmail.com.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1; địa chỉ: KDC đường Tôn Thất Tùng, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.
 - Nhận qua email: ds.huynhchihieu74@gmail.com.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 12 tháng 8 năm 2025
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá: theo phụ lục danh mục đính kèm.
- Hồ sơ kèm theo báo giá:
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của nhà cung cấp.

- Giấy phép lưu hành sản phẩm của vắc xin.
- Báo cáo tình hình cung ứng các loại vắc xin trong 03 năm gần nhất.

3. Địa điểm cung cấp: giao hàng tại khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế, Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1; địa chỉ: KDC đường Tôn Thất Tùng, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: bắt đầu từ tháng 8 năm 2025.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày bên mua nhận được hàng hóa và được cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

6. Các thông tin khác: không có.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, DVTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hai

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /TTYT-DVTTBYT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Sa Đéc 1)

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
1	Mỗi 1 liều vắc - xin hoàn nguyên (0,5 ml) chứa: virus đại bất hoạt (chủng Wistar PM/WI 38 1503-3M) $\geq 3,25$ IU	Verorab	0.5ml	Tiêm bắp, tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Liều	3.000	
2	Virut đại bất hoạt (chủng L.Pasteur 2061/Vero) nuôi cấy trên tế bào Vero	Abhayrab	0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Liều	7.000	
3	Kháng nguyên tinh chế từ virus đại chủng Pitman Moore	Indirab	$\geq 2,5$ IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	Liều	2.000	
4	Kháng thể kháng vi rút dại	IVACRIG (Huyết thanh kháng đại tinh chế)	1.000 IU/lọ 5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Lọ	200	
5	Vắc xin phòng Cúm mùa chứa: Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: - Chủng A/H1N1 (NYMC-179C), A/California/07/2009) - Chủng A/H3N2 (NYMC-263B), A/HongKong/4801/2014)- Chủng B (NYMC BX-35, B/ Brisbane/60/2008)	IVACFLU-S (Vắc xin cúm mùa dạng mảnh bất hoạt)	0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Liều	3.000	
6	Vắc xin phòng cúm mùa chứa : A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09-like strain (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South Australia/34/2019 (H3N2)-like strain (A/South Australia/34/2019, IVR-197) ; B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) ; B/Phuket/3073/2013-like strain (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Influvac tetra	0,5ml	Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da	Hỗn dịch tiêm	Liều	1.500	

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
7	Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09 – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) 15 micrograms HA; A/South Australia/34/2019 (H3N2) – sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) 15 micrograms HA; B/Washington/02/2019 – sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, chủng hoang dã) 15 micrograms HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15 micrograms HA.	Vaxigrip tetra	0,5 ml	Tiêm bắp hay tiêm dưới da	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	2.000	
8	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin chứa các kháng nguyên được phân tách từ 4 chủng virus cúm, bao gồm 2 chủng cúm A (H1N1, H3N2) và 2 chủng cúm B (Victoria và Yamagata).	GCFLU Quadrivalent	0,5 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	2.000	
9	Mỗi liều vắc xin (0,5ml) Pneumo 23 có chứa: Polysaccharide của Phế cầu khuẩn (Streptococcus pneumoniae), các týp huyết thanh 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F: 25mcg mỗi tuýp huyết thanh.	Pneumovax 23	0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm (Dung dịch tiêm),	Liều	1000	
10	Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg;	Prevenar 13	Mỗi bom tiêm chứa một liều đơn 0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	1.200	

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
	Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg							
11	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Gardasil 9	0.5ml	Tiêm bắp	Hỗn Dịch Tiêm,	Liều	2.000	
12	Giải độc tổ uốn ván tinh chế	VAT	≥ 40IU/0,5ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Liều	4.000	
13	Globulin kháng độc tổ uốn ván	SAT	1500 IU	Tiêm	Dung dịch tiêm	Liều	100	
14	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4µg; - Protein giải độc tổ Bạch hầu 48µg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	Menactra	0,5 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm	Liều	300	
15	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản hoàn nguyên (ở người từ 9 tháng tuổi trở lên) chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Imojev	0,5ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm đông khô	Liều	400	
16	Mỗi liều 0,5ml chứa: Viêm não Nhật Bản bất hoạt tinh khiết Vắc xin vi rút (SA-14-14-2) 3 mcg Nhôm như nhôm Hydroxit 0,1% W/V Muối đệm photphat qs	JEEV 3mcg/0,5ml	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	200	
17	Mỗi liều 0,5ml chứa: Viêm não Nhật Bản bất hoạt tinh khiết Vắc xin vi rút (SA-14-14-2) 6 mcg	JEEV 6mcg/0,5ml	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	200	

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
	Nhôm như nhôm Hydroxit 0,1% W/V Muối đệm photphat qs							
18	Vắc-xin có kết cấu dưới dạng một lọ với 1ml vắc-xin có chứa thành phần là: virus viêm não Nhật Bản đã bất hoạt, tinh khiết với hàm lượng vừa đủ 1 liều; Thimerosal hàm lượng không quá 0,012 % (w/v)	Jevax	Lọ 5ml	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm	Lọ	200	
19	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50mcg Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C 50mcg	VA-Mengoc-BC	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	500	
20	Mỗi liều 0,5ml chứa: Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W135) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg; Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp)* 10mcg *được cộng hợp với chất mang là protein giải độc tổ uồn vắn khoảng 55mcg	Menquadfi	0,5 ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Liều	300	
21	Vắc xin phòng bệnh Viêm gan B chứa kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B tinh khiết	Vắc xin viêm gan B tái tổ hợp Gene-HBVAX	20mcg/1ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	200	
22	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	Heberbiovac HB 20mcg	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	Liều	500	
23	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	Twinrix	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Liều	300	

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
24	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	Infanrix Hexa	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Liều	300	
25	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	Hexaxim	0,5 ml	Tiêm bắp	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Liều	300	
26	Virus sởi ≥ 1000 CCID50; Virus quai bị ≥ 12500 CCID50; virus rubella ≥ 1000 CCID50	M-M-R ®II	0,5 ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Liều	400	
27	Virus sởi sống, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus quai bị sống, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus rubella sống, giảm độc lực (chủng Wistar RA 27/3)	Priorix	$\geq 103,0$ CCID50; $\geq 103,7$ CCID50; $\geq 103,0$ CCID50	Tiêm dưới da	Bột vắc xin đông khô,	Liều	400	

TT	Tên hoạt chất	Tên thương mại	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Mã Vaccine
28	Vắc xin phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị- Rubella chứa: Measles Virus NLT; Mumps Virus NLT; Rubella Virus NLT	Measles, Mumps and Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	≥ 1000 CCID50; ≥ 5000 CCID50; ≥ 1000 CCID50	Tiêm dưới da sâu	Bột đông khô	Lọ	200	
29	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	Varilrix	$\geq 103,3$ PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Liều	400	
30	Vắc xin phòng thủy đậu chứa: Oka/Merck varicella virus, live, attenuated	Varivax	≥ 1350 PFU	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Liều	400	
31	Vắc xin phòng thủy đậu chứa: virus thủy đậu sống giảm độc lực	Varicella Vaccine - GCC Inj	≥ 1.400 PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô	Liều	200	
32	Vắc xin ngừa bệnh tiêu chảy do Rotavirus chứa: - Rotavirus G1 human -bovine reassortant; - Rotavirus G2 human -bovine reassortant; - Rotavirus G3 human -bovine reassortant; - Rotavirus G4 human -bovine reassortant; - Rotavirus P1A[8] human -bovine reassortant	Rotateq	$\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,8$ triệu IU; $\geq 2,2$ triệu IU; $\geq 2,0$ triệu IU; $> 2,3$ triệu IU, ống/tuýp 2ml	Uống	Dung dịch uống		150	
33	Mỗi liều 1,5ml chứa: Rotavirus ở người sống giảm độc lực chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	Rotarix	≥ 106.0 CCID50	Uống	Hỗn dịch uống	Liều	200	
34	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0$ log 10 PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5$ log 10 PFU	Qdenga	0,5 ml	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Liều	800	

